

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ nhiệm : Nguyễn-năng Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung đình-Bính

Chánh chủ bút Phan-chung-Thò
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ bút : Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tể-Cát

GIA BAO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

QUÝ TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VỊ CÔNG-ĐỨC
 CÙNG TIỀN LAM CHÙA HỘI-QUÁN
 TRUNG - ƯƠNG

M. Đỗ-văn-Khẩn, thôn Đông-la, xã Hào-xuyên	
huyện Yên-mỹ, Hưng-yên	0\$50
M. Hoàng-dinh-Mão, thôn Đông-la, xã Hào-xuyên	
huyện Yên-mỹ, Hưng-yên	0.50
M. Lê-viết Ốc, thôn Đông-la, xã Hào-xuyên.	
huyện Yên-mỹ, Hưng-yên	1.00
M. Lê-văn Việt, thôn Đông-la, xã Hào-xuyên	
huyện Yên-mỹ, Hưng-yên	0 30
M. Đỗ-văn-minh, thôn Đông-la, xã Hào-xuyên	
huyện Yên-mỹ, Hưng-yên	0.50
M. Hoàng-dinh-Giáp, thôn Đông-la, xã Hào-xuyên	
huyện Yên-mỹ, Hưng-yên	0.20
M. Hoàng-dinh-Dần, thôn Đông-la, xã Hào-xuyên.	
huyện Yên-mỹ, Hưng-yên	0 30
M. Hoàng-dinh-Mộc, thôn Đông-la, xã Hào-xuyên,	
huyện Yên-mỹ, Hưng-yên	0 30
Mme Nguyễn thị Kiến, ở Thiên-lộc, huyện	
Yên-mỹ, Hưng-yên	0.5
Mme Lê-thị-Côi, thôn Đông-la, xã Hào-xuyên,	
huyện Yên-mỹ, Hưng-yên	0 30

(còn nữa)

Số báo 116 ra ngày 15-9-1939 có đăng phương danh các vị hội viên chi Hội Phật-giáo Cung-thuận Sơn-lây, cũng góp mỗi vị một đồng (1.00). Nhưng còn thiếu tên ông Đoàn-công-Cận cũng góp một đồng, vậy xin bổ chính cho đúng.

*Chân - tâm với vọng - tâm
khác nhau như thế nào?*

Thế nào là Chân tâm? - Tức là cái lòng sáng suốt thần diệu của đức Như-lai, mà tức là cái chân lương của chúng-sinh vẫn sẵn có, vô - hình vô - ảnh, không sinh, không diệt, không thể lấy nói năng mà hình dung được, lấy phàm tình mà đo lường được. Đây không phải là cái quả tim sắc thịt ở trong mình người, mà cũng không phải là cái bóng của hư-trần nó về lại, không phải ở trong mà cũng không phải ở ngoài, lại cũng không phải là ở giữa, hư-không, lắng-lặng sáng-láng bề rộng bao quát cả vũ-trụ, đầy rẫy cả sáu cõi. Trong kinh Lăng-nghiêm hình dung cái chân tâm có nói rằng: « Phải biết mười phương hư-không thế-giới sinh ở trong tâm người, cũng như một tý mây dềm ở trong vùng trời xanh » đem các cõi đời Sa-bà của ta đây mà sóng với bề rộng của chân-tâm, thật như một hạt thóc bỏ trong bể khơi vậy. Các anh em chị em nên biết cái chân-tâm quảng - đại vô - biên, vĩnh viễn không mất ấy, không phải chỉ riêng mình Phật có đâu, tất cả chúng-sinh chúng-ta đây đều có hết. Chẳng qua Phật ở trong cõi giác, hoàn toàn là một cái chân-tâm, chúng sinh ở trong cõi mê, chân tâm bị vọng tâm nó trùm kín, không thể phát hiện ra được. Song, tuy rằng bị cái vọng tâm nó trùm kín, không phát hiện ra được, nhưng cái chân tâm kia vẫn là hoàn-toàn vô khuyết, không những chỉ loài người thế thôi đâu, ngay đến ba ngã: Địa-nục, ma giới, súc-sinh cũng như thế cả. Vì thế cho nên hết thảy chúng-sinh, tuy ở trong sáu ngã luân hồi tùy nghiệp luân chuyển, nhưng cái chân-tâm kia vẫn vĩnh

viễn không mòn mất được, chỉ cốt rằng có một ngày kia chừ bỏ hết cái vọng-tâm đi, để cho cái chân-tâm hoàn toàn phát hiện ra, ấy thế là thành Phật. Thế nào là Vọng-tâm? — Là vì không giữ được cái bản-tính chân-tâm sáng láng thần diệu một phút không xét, khởi vô-minh hun bốc lên, hai mỗi chân-vọng lẫn lộn với nhau, phát sinh ra một thứ gọi là A-lại-gia-thức, cái thức ấy cũng gọi là Tăng-thức, mà tức là cái thức thứ tám. Cái A-lại-gia thức ấy là một hạt giống giữ cả hai mỗi thiện ác, tức là cái mầm móng tình-dục, là cái gốc rễ hoặ-nghiệp A-lại-gia-thức động lên một cái, sở-kiến nhằm lẫn, rồi cứ nhằm đấy mà đi, lại sinh ra cái Mạt-ma-thức. Cái thức ấy lại gọi tên là Chuyển-tống-thức, tức là cái thức thứ bảy. Mạt-na-thức nhằm nhận cái sở-kiến của Bát-thức là mình mới dính chặt vào đấy mà chuyển vào Đê-lục-thức. Cái thức ấy gọi là Ý-thức, bấy giờ mới phân biệt rành rọt mà nắm cái thức của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đều bị cái sức phân-biệt của Ý-thức nó xoay, bấy giờ mới dính vào sáu món: sắc, thanh, hương, vị, xúc, Pháp mà phát sinh ra các thứ tình-giục, và gây nên cái hoặ-nghiệp, ấy là vọng-tâm. Cái vọng-tâm ấy đã ở trong bát-thức lưu-lộ ra, thì cứ ý tới xét, đã gọi là thức, tức không phải là tâm rồi, mà đích là do cái thần-thức nó làm việc. Mọi người bấy giờ đều nhận nhầm thức thần là tâm cả. Ví như trong lòng ta muốn ăn muốn mặc, ấy đều là cái thần thức của ta sai khiến cả, chứ không phải là tâm ta, nếu ta nhận là bởi tâm ta thì thật là nhầm lẫn. Người đời cứ nhận nhầm cái vọng-tâm ấy là tâm thật, không biết tìm kiếm lấy cái chân-tâm sáng láng thần diệu của mình, cho nên đến nỗi sống chết chầm luân, không bao giờ dứt đầu ra được, thật là đáng thương thay! Nay các anh em chị em đã hiểu rõ cái lai-lịch vọng-tâm thì nên mau mau vứt vọng-tâm đi, cho chân-tâm lại, mới là người khước

B. H. T.

TUỆ . TRUNG THƯỢNG - SĨ

(tiếp theo)

« Thượng-sĩ lại đọc lên một bài kệ rằng :

« 喫草與喫肉, Khiết thảo dữ khiết nhục,

« 衆生各所屬. Chúng sinh các sở thuộc.

« 春來百草生. Xuân lai bách thảo sinh,

« 何處見罪福. Hà xứ kiến tội phúc.

Dịch :

Chúng sinh theo từng loài,

Ăn thịt hay ăn cỏ

Cỏ đến xuân lai sinh,

Họa phúc gì đâu có

« Ta hỏi,

« Vậy thì như câu « người nào giữ được trọn mọi
« nét Phạm-hạnh không phải là mất công không » thì
« câu ấy là nghĩa gì ? Thượng-sĩ cười mà không giả
« lời ta, ta lại nhả : lạ một lặn nữa. Thượng-sĩ bèn
« đọc lên hai bài kệ để ẩn-chứng rằng ;

« Bài thứ nhất :

« 持戒兼忍辱, Trì giới kiêm nhẫn nhục,

« 招罪不招福. Triệu tội bất triệu phúc.

« 欲知無罪福, Dục tri vô tội phúc,

« 非持戒忍辱. Phi trì giới nhẫn nhục.

Dịch :

Trì giới gồm nhẫn nhục,

Rước tội không rước phúc.

Muốn thấu nghĩa tội phúc,

Ngoài trì giới nhẫn nhục.

« Bài thứ hai ;

« 如入上樹時, Như nhân thượng thụ thời,

« 安中自求危. An trung tự cầu nguy.

« 如人不上樹, Như nhân bất thượng thụ,
» 風月(1)何所爲, Phong nguyệt hà sở vi

Dịch :

Kìa như người trèo cây,
Đang yên bỗng chước nguy.
Còn người không trèo cây,
Mưa gió có làm gì.

« Đọc bài kệ sau ấy rồi Thượng-sĩ dấn thăm cho ta
« rằng : « Thế nhưng đừng bảo cho những đồ* không
« ra người về cái nghĩa ấy ». Vì thế ta mới biết chỗ
« linh thần đạo học của Thượng-sĩ cao siêu là dường
« nào.

« Một ngày kia ta có hỏi Thượng-sĩ về cái nghĩa thế
« nào là tông-chỉ của môn-phận làm người ? Thượng-sĩ
« đáp ngay rằng : « Việc môn-phận cứ xét ngay ở thân
« mình chứ không phải tìm đâu mới được ».

« Nhờ được lời ấy mà ta bỗng bâng-khuàng nhận
« được con đường đi vào đạo. Ta liền sốc áo đứng lên
« vái và thờ Thượng-sĩ làm thầy từ đó.

« Ôi, Thượng-sĩ thực là một vị thần-thái nghiêm-trang,
« linh cách cứng-cỏi. Khi người đàm luận về những
« nghĩa cao-diệu thực là có cái vẻ thanh-phong minh
« nguyệt. Vì thế các bậc danh-đức ở các nơi đều khen
« Thượng-sĩ là đáng có tin-lực và thức-lực rất sâu-xa,
« tự ý khi làm xuôi khi làm trái, người ta không thể
« dò xét được.

« Về sau, khi Thượng-sĩ bị bệnh Người nghĩ ở Dường
« chán-trang Người cho kẻ một cái giường gỗ « ở giữa
« cả một khoảng nhà bỏ rộng để Người nằm, chứ không
« nằm ở trong buồng. Người nằm kiểu Cát « tương như
« lúc Phật tịch rồi nhắm mắt mà hóa, các

(1) Chữ nguyệt 月, ngữ là chữ vũ 雨.

« Nàng hẳn thấy thẽ vợ khóc vang lên. Thượng-sĩ mở mắt ngồi giậy gọi lấy chậu rửa tay rồi khẽ quở những người nàng hầu rằng : « Sinh tử là cái lẽ, thường nhiên làm gì mà xót thương, quuyến luyến, làm nhiều đến cả thân tâm của ta ! - Nói dứt lời thì « Người lặng yên mà tịch. Thọ 62 tuổi. Tịch giữa ngày « mồng 1 tháng tư năm tân-mão, Trưng-hưng thứ 7. « Ta thân đến nhà Người làm lễ viếng, ta có làm bài « báo án tụng , nhưng không chép ra đây. Lại về sau « khi ta đã thừa tự mỗi đạo của Người, những lúc khai tràng thuyết pháp, nghĩ nhớ đến ơn pháp-nhũ nặng « thay không biết lấy gì đền báo, ta có sai người thợ « vẽ vẽ ra bức chân dung của người để liện cùng dâng « và ta có làm một bài tụng tán như sau này :

- « 這 老 古 難, Giá lão cổ trụ,
 « 人 難 名 逸. Nhân nan danh mịch.
 « 皇 皇 曲 尺, Lương - hoàng khúc xích,
 « 泰 帝 躡 轅, Thái - đế đạc nịch,
 « 能 方 能 圓, Năng phương năng viên,
 « 能 厚 能 薄. Năng hậu năng bạc.
 « 法 海 獨 眼, Pháp - hải độc nhãn.
 « 禪 林 三 弁. Thiên-lâm tam giác

Dịch :

Ông già hiếm có.
 Thực khó đặt tên.
 Thước của Lương-hoàng,
 Mỏ của Thái-đế.
 Tự mình có thể,
 Giày, mỏng, vuông, tròn
 Bề Pháp ghé nom,
 Rừng Thiên đủ cạnh .

Ngoài ra còn có những bài tụng tán khen ngợi công đức Tuệ-trung Thượng-sĩ sẽ chép xuống sau tập ngữ-lục của Thượng-sĩ.

(còn nữa)

Nguyễn trọng-Thuật

PHẬT TỒ TÂM ĐĂNG

(Tiếp theo)

16. Phục dã mật-đa tôn-giả

(Tồ thứ chín bên Thiên-trúc)

Kệ rằng :

眞理本無名, Chân lý bản vô danh,
 因名顯眞理. Nhân danh hiển chân lý.
 受得眞寶法, Thọ đắc chân thực pháp,
 非眞亦非僞. Phi chân diệc phi ngụy.

Hại ý bài kệ này nói : Chân-lý siêu việt tự nhiên, nguyên không có tên có tướng, chỉ vì kẻ phàm phu ngu dại, không thể lường biết được, Phật muốn mở bảo cho họ hiểu rõ ra được, nhân mới mượn cái danh từ ấy để nêu tỏ chân-lý. Nếu ai đã lĩnh-thụ được cái phép chân-thật ấy, liễu hẳn cái nghĩa không thể nghĩ bàn được đó, không phải chơn cũng không phải là ngụy vậy.

« Tôi tâm nguyên là chân, mượn đặt ra tên không phải là thật, tự tâm không phải mượn, còn cầu chân làm gì. Hai bên chân giả đều không được, dù rõ không phải là «chơn không phải là ngụy rồi vậy».

17. Hiếp tôn giả

(Tồ thứ mười bên Thiên-trúc)

Kệ rằng :

眞體自然眞, Chân thể tự nhiên chân,
 因眞說有理. Nhân chân thuyết hữu lý.

領得眞眞法, Lĩnh đắc chân chân pháp,

無行亦無止. Vô hành diệc vô chỉ.

Đại ý bài kệ này nói : Cái thể chân thực, nó không có y vào đâu, nó vẫn tự nhiên chân-thật, nó thực là hẳn các cái giả dối, chỉ vì mượn cái tên chân thật, mới nói rằng có lý. Nếu ai lĩnh-thụ được cái pháp gọi là chân thật ấy, thì biết rõ cái thể lặng yên soi tỏ như như, không có hành mà cũng không có chỉ vậy.

« Cái phép chân thật, là phép tuyệt cả lý, mất cả lời, lòng rộng không, không trở ngại, tìm đến cái thể còn không được, huống chi là sự hành chỉ của nó ư? »

VĂN UYÊN

VỊNH NGƯỜI TU

Muốn thoát luân-hồi phải xuất-gia, ✕

Quy-y n-rong tựa đức Di-Đà

Tháng ngày cảnh lĩnh theo đường giác.

Sớm tối cũng trì tránh nẻo ma.

Bì tri song tu tâm sáng láng,

Pháp, tài nhị thí phúc ế đa.

Ai ơi sớm biết đường quay lại,

Chín phẩm đài sen quyết ế ằng xa.

Thiế thanh Đương

KHỐC CỤ ĐỒ . am

Chùa Phật mới trùng ư,

Những ước, đồng lương bì tựa núi;

Quả-dưa vừa tái bản, ư

Nào ngờ vẫn tự cuốn ti ể máy !!

人 Tiệc cụ Đờ-Nam đã khuất rồi,
 Văn chương tâm sự thể là thôi.
 Quả-dưa, phơi dãi lòng son sứt,
 Đuốc-tuệ, bàn hoàn truyện khúc nhói
 Trần thế, lấm thân dù chẳng thọ,
 Tinh anh, nét bút vẫn còn tươi.
 Nào ai man nhuế đi về đó,
 Ngắm nước Châu giang tránh nhớ người.

Bệt lam : Trần-huy-Bá

LẠI TỚI HƯƠNG - SƠN

Nhớ cảnh non tiên những ước ao
 Bước lên một bước lại càng cao.
 Đường theo lối cũ vui chân tiến,
 Họp gặp người quen mỉm miệng chào.
 Uống nước giải-oan tan tục-niệm,
 Nghe kinh Nam-hải sạch trần-lao.
 Bồng-lai riêng mặt trời nam đó,
 Ai có công tu lui được vào.

Tự-Tân (Avril 1928)

CẢI CHÍNH

Về mục Văn-uyễn bài thơ « Văn-tiểu Phong-cảnh » đăng ở số báo 121 ra ngày 15-12-39 xin cải chính lại mấy chữ như sau này :

Bài thứ III, câu thứ 3, chữ « gió thoảng » xin đổi là « gió cuốn ».

Bài thứ V, câu thứ 4 chữ « thành vẫn » đổi là hoàn lại

Bài thứ VI, câu 1 r 3, chữ « vương cảnh » đổi là : « vương nợ ».

BÁT NHÃ TÂM KINH CHỮC GIẢI

Song phép **đồn** phép **tiệm** khác nhau, nếu là cái căn cơ trung với hạ, chưa có thể thấy rõ chỗ chân-như ngay được, còn căn phải lần lần tu-quán, thì phải y theo cái tri-tuệ Quán-tư-tại, ngồi lặng quán sát, soi tỏ sắc-uẩn nguyên không, rồi lại quán sát, soi thấy bốn uẩn thụ, tướng, hành, thức, đều là không, thế cho nên nói rằng diệt phục như thị. Nói rằng **sắc**, tức là cái có hình có chất, đối lại với cái mắt và đối với sáu căn. Kê phần trong ngay từ thân mình là do tứ-dại tự góp nên hình; kê phần ngoài là cảnh-cõi sáu-trần, muôn tượng bộn bề, nó hiện đối với sáu căn, thì gọi là sắc uẩn; Thụ-uẩn là linh-nạp thụ-dụng lấy, nghĩa là mình nhận cái thân do tứ-dại giả-hợp là cái sắc thân của mình, mình nhận và nương vào sáu-trần thế-giới là linh-nạp thụ-dụng; đối với hết thầy các sự sướng khổ về sắc thân-thế giới-đều chịu lấy hết, thế là thụ-uẩn, Mình đối với những sự sướng khổ mà thân với mình y đã chịu, tưởng rằng những sự sướng, khổ, thân, giới ấy là có, thế là tướng-uẩn; Trong chỗ thụ-tướng, sinh-diệt luôn luôn, mỗi nghĩ miên man, nghĩ ngợi hành động, thế là hành-uẩn; Đối với hết thầy mọi sự sướng, khổ, lành dữ, tốt, xấu, có, không, sinh, diệt, sáng, tối, không, sắc, di, lại, xa, gần của bốn phần sắc, thụ, tướng, hành đều phân biệt được hết, thế gọi là Thức-uẩn.

Vậy thì sắc-uẩn là cái sắc-thân, muôn tượng bộn bề là sắc-cảnh, cùng gọi là sắc-uẩn cả. Thụ, tướng, hành, thức bốn uẩn ấy là sắc-tâm, vì nó y vào sắc mới có cái tâm ấy, cho nên gọi là sắc-tâm. Nay ta nên coi sắc-thân sắc-cảnh như không-hoa, như sắc giả dối, như bọt nước lúc sôi, như bóng trong gương nước, như cảnh-giới trong giấc chiêm-bao, hết thầy đều không phải là thật, thế tức là sắc-thân sắc-cảnh nguyên là không. Cái sắc-uẩn thân-ảnh đã không rồi, thì cái sắc-tâm duyên theo sắc-thân sắc-cảnh kia cũng tự nhiên không có, vì thế nên bảo rằng: Thụ-tướng, hành, thức, diệt phục như thị.

Xả-lợi tử! thị chư pháp không tướng, bất sinh bất

diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Đoạn này lại gọi đến Xá-lợi-tử, là thấy mặt kẻ có tri giác thì bảo ngay cho, khiến cho nhất nhất đều quay trở sáng lại mà tự soi cái pháp thân nguyên-lai rộng lặng chân-như **Thị-chư-pháp-không-tướng** : Câu này là chứng-nghiệm lại đoạn trên nói chiếu-kiến ngũ-uẩn nguyên-không, bấy giờ chỉ thấy cái thể chiếu rộng lặng chân-như nó đứng riêng một mình, tức là chỉ vào cái tướng viên-nhiệm của cái thể chiếu. Nói rằng chư - pháp không-tướng, một chữ **tướng** đó, không phải là cái tướng tứ-đại ngũ-uẩn, muốn tượng bộn bề đâu, thế mà nói là tướng, là vì mọi pháp tuy có tướng mà rất hư-hảo, là cái tướng giả, không phải là cái tướng chân-thật. Thể chiếu rộng-lặng, tuy không tuề hình dung ra được, mà cái ánh sáng linh thông lồ lộ, thể chiếu giới riêng, thành ra cái tướng chân thật của hết mọi pháp, mà trong lúc đó không có cái thấy như cái thấy mọi pháp tứ-đại ngũ-uẩn, cho nên nói rằng : **chư-pháp-không**, duy chỉ có lúc dùng trí-quang bát-nhã, thấy thể chiếu hiện ra, long lanh riêng sáng, lồng lộng vô-ngăn, thì liễu hết thầy tướng, đều là cái tướng chân thật của thể-chiếu chân-không cả, thế cho nên nói rằng **thị-chư-pháp-không-tướng**. Chư-pháp không-tướng, tức là cái tướng pháp-thân vậy. Cồ-dức nói : « Hết thầy mọi sắc tức là sắc Phật, hết thầy mọi tiếng, tức là tiếng Phật » Kinh Lăng-già chú rằng : « Chỗ nào mắt trông thấy đều là Phật cả » Kinh Kim-cương nói : « Hết thầy pháp đều là Phật pháp ». Cụ Viên-gia nói : « Anh chỉ xem thấy đó ư ? người đã tu đạo tới chỗ thuần rồi thì không có học gì, không có làm gì, không trừ niệm sáng, không cầu chỗ chân, cái tin-thật vô-minh tức là tinh Phật, cả toàn không giả giới tức là pháp-thân ».

Bất sinh bất diệt : là cái thể chiếu của bát-nhã hiện ra, liền tự biết rằng hết tùy mọi pháp tứ-đại ngũ-uẩn nguyên-lai không sinh. Sao lại bảo là không sinh ? - Vì rằng ngũ-uẩn

nguyên không, cho nên không sinh ; ngũ uẩn nguyên không, cho nên không giết. Cái tướng giả tứ-đại ngũ-uẩn cũng như không-hoa, nguyên không có thể-tính, cho nên không sinh. Nó đã không sinh, thì nguyên lai rỗng lặng, không phải là xưa có nay không mà gọi là giết được. Bởi vì là không-hoa chất-giả, tới thể tức không, còn làm gì có sinh có giết mà nói nữa. Thế thời ngũ-uẩn của chúng-sinh, cũng như không-hoa, tới thể là hư-giả, hư-giả tức là không, cho nên bảo rằng không sinh không giết. Trong kinh nói rằng : « Hết thầy chúng-sinh, nguyên lai rỗng lặng không có giết nữa ». Kinh Viên-giác nói : « Hết thầy chúng sinh, nguyên lai thành Phật, sinh-tử, niết-bàn, cũng như rấc mộng đêm qua. Nên biết sinh-tử, cùng với niết-bàn, không khỏi không giết ». Vì thế nên biết rằng, ngũ-uẩn không-hoa, nguyên không sinh giết. Nhưng cái thể chiếu tỏ của bát-nhã nó là cái thể chân-thật của hết thầy mọi pháp, trải bao nhiêu kiếp mà không biết lúc nào là trước, cùng kiếp sau này, mà không thấy chỗ nào là sau, suốt cõ suốt kim, như-như bất động, bền vững thường trụ, không biến không nát, cũng như kim cương, đó là cái thể đích thực chân thật không sinh không giết

Bất cấu bất-tịnh : nghĩa là cái thể chiếu của bát-nhã, nó là cái không-tướng của mọi pháp, bản-tính nguyên tự thanh-tịnh, nguyên không rày như, cho nên bảo rằng bất cấu (không bẩn); Nguyên nó tự thanh-tịnh, không phải là rửa sạch như nhớt mà sạch, cho nên bảo rằng bất tịnh (không sạch). Vì thể-tính nó rỗng lặng, cho nên không thể nói được là bản là sạch. Vì chúng sinh trái tính giác, hợp tình trần, tự quên mất thể chiếu đem cái biết sáng thấy sáng, thấy có cái thân tâm tứ-đại ngũ-uẩn, mà tham-nhiễm sáu món trần năm món dục của thế-gian cho nên mới bẩn. Trần cấu là gì ? Trong kinh nói rằng : « Tướng tướng là trần, thực tính là cấu » trước mắt chỉ thấy cái thân tâm tứ-đại ngũ-uẩn, và sáu món trần hế gian, cảnh giới bộn bề, vẫn dục ngũu ngục, che lấp cả cái thể chân-như rỗng lặng. Lấy cái tâm sáng đối mấy cái cảnh sáng, phóng túng tham, sân, si, gây nên mê hoặc, gây nên nghiệp-nhân, cho

nên gọi là cấu. Nếu ngộ được tham, sân, si đó, nó là cái nhân ác khổ, mà tu giới, định, tuệ để trừ sạch cái nhân khổ, nên mới gọi là tịnh. Nếu y theo cái thể-chiếu của bát-nhã rộng lặng một màu, thì những cảnh sáng do tứ-dại ngũ-uần, sáu căn sáu trần biến hóa ra trăm hình ngàn tượng kia nguyên là hão cả, cho nên không có bản ; Đã biết cái cảnh sáng đó nguyên là hão, thì không phiền phải tu phải đoạn mà bản tự sạch, cho nên bảo rằng không có sạch. Trong kinh nói rằng : « Cái gì có hình tướng, đều là hư vọng cả » biết là hư vọng, nên không có mối tướng là bản ; Kinh lại nói rằng : « Nếu thấy mọi tướng đó không phải là có tướng thật, tức thì thấy được Như-lai ». Nghĩa là : nếu khi ta thấy mọi tướng đó, ta hiểu rõ rằng tướng đó nguyên là hư giả, thì toàn tướng tức là Tịnh ; lại vì mọi tướng nguyên là hư-giả tức không phải là tướng, mà toàn tướng tức là Tịnh, Tịnh-không viên-dong, thế là thấy Như-lai ngay, không phải đi tìm Như lai nào khác. Tịnh không hiện ngay trước, cho nên không có mối tướng sạch. Cái tướng không bản không sạch đó, nó là tướng chân thật nguyên-lai vẫn thanh-tịnh.

Bất tăng bất giảm Nghĩa là: nếu lấy vọng-tâm thấy vọng cảnh, thì thấy có Phật có chúng-sinh, có thánh có phàm, có thông minh, có đần độn, có tri-tuệ, có ngu-si, có trong có đục, có sạch có bản, đều chia ra tôn, ty, hơn, kém, cho nên nói rằng có thêm có bớt. Nếu y theo cái thể chiếu của bát-nhã rộng lặng hiện ngay trước, không có mối tướng là sạch, thì cái thể chiếu nó lặng trong, rộng không có bờ bến nào mà ngũ uần nguyên không. Cho nên nói rằng : « cái pháp-không ngũ-uần, thể nó khắp cả hàng-sa thế-giới ». Thế thì biết cái không-tướng của mọi pháp, hết thấy đều bình đẳng, ở thánh không thêm gì, ở phàm không bớt gì, sét hết là không có chia ra tôn, ty, hơn, kém gì, cho nên bảo rằng bất tăng giảm. **Thị cố không trung vô sắc vô thụ tướng hành thức** Chữ thị cố đây là lời nối đoạn trên và mở đoạn dưới.

瑤金輝七灼。七耀瑤臺碎。七團七重玉砌。獸爐香氤。
天晴日麗。碧霄中。倦枕睡濃。晝永漏稀。朱閣上。盛夏
則金流石燥。隆冬則霧歛雪消。豐中而雜翳全收。離
正而群陰盡掃。對景性天洞徹。當時心地照融。頭七
十一
總有光明。步七了無黑暗。諸佛子。曰旣中而則是人
有盛而必衰。形骸不久堅。富貴非長保。迅速渾如川
上水。須臾恰似嶺頭雲。平時不作善因。異日定歸苦
趣。當生深信。除却替疑。早開諸佛心珠。照破眾生漆
桶。但某甲等。謹想斯時。以爲日中之禮。

懺悔耳根罪。

志心懺悔。臣某等。自從先始無量劫來。失却本心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前。難追悔後。

十二

耳根業者。惡聞正法。好聽邪言。迷却本真。隨他外妄。喧七絲竹。反謂龍吟。隱七鐘魚。翻成蛙鬧。巴黎鄭曲。忽有生心。唐讚梵言。畧允側耳。風聞空響。暗起邀求。露聽善言。何曾仰受。三三酒友。兩兩花朋。道短談長。聚頭密聽。或逢師友。教訓丁寧。忠孝之言。掩聰抵拒。或聞剗響。忽已成媯。或半聽經。遂生

KHÓA HƯ GIẢNG YÊU

HÁN

giao kim. Huy huy chước chước diệu dao dài, toái toái đoàn đoàn trùng ngọc thiết. Thú lộ hương niếu, thiên tinh nhật lệ bích tiểu trung; Tiên chăm thủy nùng, chú vĩnh lậu hi chu các thượng. Thịnh hạ tắc kim lưu thạch thước, long đồng tắc vụ liêm tuyết tiêu. Phong trung nhi tạp ế toàn thu, li chính nhi quần âm tận tảo. Đối cảnh tinh thiên đồng triệt, đương thời tâm địa chiếu dong. Đầu đầu tông hữu quang minh, bộ bộ liễu vô hắc ám. Chư Phật tử! Nhật ký trung nhi tắc chắc, nhân hữu thịnh nhi tất suy. Hinh hải bất cửu kiên, phú quý phi trường bảo. Tấn tốc hồn như xuyên thượng thủy, tu du cấp tự linh đầu vâu. Bình thời bất tác thiện nhân, dị nhật định quy khổ thú. Đương sinh thâm tín, trừ khước kê nghi. Tảo khai chư Phật tâm châu, chiếu phá chúng-sinh tất dưng. Đản mỗ giáp đẳng, cần tưởng tư thời gĩ vi nhật trung chi lễ.

VIỆT

gió đưa cảnh liễu tựa vàng tở. Long lanh chói lói ánh giao dài, thấp thoáng chấp trùng lồng bệ ngọc. Thơm lừng lộ thú, trời quang nhật tở chốn mây sanh; Ngủ kỹ gối tiên, ngày vắng lậu thừa nơi gác tia. Mùa hạ thì đá sỏi vàng trầy, mùa đông thì sương lộ tuyết tan. Đứng bóng thì đám bụi thu quang, sáng tỏ thì mây mù quét sạch. Đối cảnh tinh trời sáng suốt, đang khi tâm địa soi thông. Thầy đều sáng chưng, sạch không đen tối. Các con Phật ơi! Mặt trời đứng bóng thì sể, con người có hinh thì suy. Hinh thề chẳng giải lâu, giàu sang không vững mãi. Nhanh chóng nhường tựa nước giòng sông, vì vụt chửn như mây đỉnh núi. Lúc thường chẳng nặn nhân lành, ngày khác quyết về lối khổ. Nên sinh lòng tín, quyết bỏ lối nghi, sớm mở lòng sáng chư Phật, chiếu tan số tối chúng-sinh. Vậy bọn chúng con, kính tưởng lúc này, làm lễ khóa ngọc.

HÁ V

Xám hối nhi cần tội

Chi tâm xám-hối : Tuần mỗ dâng, tự tòng vô thủy vô lượng kiếp lai, thất khước bản tâm, vông tri chính đạo ; đọa tam đồ khổ, do lục căn phi. Nhược bất sám tiền, nan chuy hối hậu. Nhi căn nghiệp già, ố vãn binh pháp, hiểu thỉnh tà ngôn. Mê khước bản chân, tùy tha ngoại vọng. Huyền huyền ti trúc, phản vị long ngâm ; ăn ăn chung ngư, phiến thành oa não. Ba ca Trjau khúc, hốt hữu sinh tâm ; Đường tán Phạm ngôn, lược vô chắc nhi Phong vãn không dự, ám khởi yêu cầu ; Lộ thỉnh thiện ngôn, hà tăng ngưống thụ. Tam tam tửu hữu, lưỡng lưỡng hoa băng, đạo đoãn dâm trường, tự đầu mặt thỉnh. Hoạc phùng sư hữu, giáo huấn diuh ninh ; chung hiểu chi ngôn, yếm thông đề cự. Hoạc vãn xuyên hưởng, hối gi thành dâm , Hoạc bực thỉnh kinh, tại sinh. ...

VIỆ T

Xám hối nghiệp cần tai

Rốc lòng sám hối, bực chúng con bởi từ bao nhiêu kiếp tới nay, bỏ mất bản tâm, không biết chính đạo đọa ba đường khổ, bởi sáu căn sai. Trước chẳng sám hối, sau khó kịp theo. Nghiệp cần tai là : Ghét nghe phép chính, thích lòng lời tà. Mê mất chân tâm, theo nuâm thói tục. Vang rầm đàn sáo, lại bảo rông ngâm. Vãng vãng mỗ chuông, coi như ếch ộp. Bài vè câu ví, sực thấy đăm ngay ; Vãn tán nhời kính, hồ qua ngoài mái. Tuông nghe khen hảo, khắp khởi yêu cầu ; Biết rõ lời hay, hằng hờ chối kệ. Gật gù bực rượu, pháp phời lảng chơi ; Tán ngán bàn giải, kê tai áp má. Hoạc gặp thầy bực, giậy bảo đình ninh ; Những lời hiểu chung, lấp tai cái chõe. Thoảng qua tiếng xuyên, đã này lòng dâm ; Nghe nửa câu kinh...

Quả báo triền triền

(tiếp theo và hết)

Trong lúc lương tâm cắn dứt, lão chỉ biết nói với không gian bằng tiếng thở dài tiếng thở dài phàn vua cho lão đã biết hồi tâm. biết hối, song, than ôi! chậm lắm rồi.

Quý vô thương đã đứng nấp sau lưng, lão nghĩ đến, cảnh gia đình tan nát, mà tấm thân lão đã ngọt 80 không nơi nương tựa, nay số định mai đầu chợ, lênh dềnb, trời nổi... Ngàn lá rì rào như trách oán, giọt nước mắt từ từ lăn trên gò má rần reo, sưng sần... lão âm thầm ngồi trên số chợ, buồn! Bầu không khí im lìm, cảnh vật như thương sót, an ủi, con đường đi đã gần đến lúc cùng, lão càng nghĩ càng rùng mình, sồn gáy!

Ăn xin đã hơn một năm ròng, lão đã thấy tấm thân đầy dơ. mà tinh thần suy nhược, đi không muốn bước, lão đành vút bị gây, quay lại chốn quê hương.., đề phòng gửi lại nắm xương khô. Lão cố đi được nửa đường, rồi khí lực suy kiệt mất quang, chân hoa, lão bỗng ngã gục vệ đường. mê man...

Trà năm một giấc mộng trường,

Nghệp duyên lời cuốn trên đường trầm luân.

Lão nằm lăn vệ đường, nào ai kẻ đoái hoài, thăm hỏi, họa chăng chỉ thấy kẻ đi đường trông lão bằng đôi mắt ghê rợn, họ bước rảo cẳng đi cho nhanh. Một lúc sau lão tỉnh dần, rồi cố gương đi. Chân run, đầu vằng, lão mệt lả ngồi nghỉ vệ đường, nghĩ đến hoàn cảnh, hai hàng lệ ứa lã chã tuôn rơi...

Về nhà, lão ốm mệt, vợ con đánh ngồi nhìn, cơm không có ăn, còn đau lo thang thuốc. May thay! — chừng lão đã biết hối mà trời kia chưa nỡ ra tay, — được mấy người cháu họ khí khá, đem cho gạo tiền.

Lão nằm co ro góc nhà, trên chiếc phản mộc, Má lồm rã reo, mắt chững hoáy song vẫn sắc sảo, — cái dấu hiệu của quãng đời xưa. — mình gầy đét: toàn thân lão là bộ xương phủ lặn da xanh xám.

.....Rồi một hôm, trời hẹ nung nấu, người ta thấy trong chiếc lều ẩm đậm, vợ con lão ủ rũ, lạnh lùng nhìn cái thấy ma xám ngắt, cứng dờ trên phần mặt. Chiếc bát đầy do, cảm mấy nén hương tuôn làn khói mỏng uốn éo như đưa linh hồn lão Cọp về âm cung an nghỉ....

Mấy người cháu họ gom nhau, mua chiếc săng niệm lão, rồi một đám người âm thầm khênh chiếc săng trên cổ đôn sơn long lở ra chôn ngàn năm. Cảnh đồng hiu quạnh, lá ngô lao sae sea lẫn tiếng gào khóc của mẹ con mẹ Cọp, quang cảnh càng thêm thể thảm não nùng. Trên quăng đồng ngô xanh biếc, nắm mộ dài phủ bụi cỏ non, làn gió lướt qua, lão Cọp ra người thiên-cổ.

Tham tàn cũng đến thể này,

Ác duyên nghiệp báo, bao ngày trả xong ?

....Từ ngày lão Cọp chết, vợ lão và cô á « Mán » ngằn ngơ lại nối nghề lão. cái nghề đã làm lão thấy rõ chân lý : nghề ăn xin ; còn cả Sư, con giai lão, đi kéo vó tôm. Mẹ Cọp ăn xin, xong tính nào vẫn tật ấy, mẹ vẫn tham lam, biển lận mà nhất là tính hoang mang thì sao mẹ cũng không bỏ được. Mẹ không như lão, đến nỗi ăn xin, vẫn không biết hối, vẫn lừa đảo, có mấy đưa cháu cho nuôi hết chỗ này đến chỗ kia, gả chồng nơi này đem nơi khác.... Xin được tiền mẹ vẫn ăn tiêu như trước, dành nhẽ mai nọ, hôm nay có tiền cũng ăn cho thích khẩu....

Nhưng tội ác chưa chan, nghiệp nặng lời quẩn mẹ theo, vòng quả báo, kẻ ác hẳn hồi sao được. Hồi ấy, cái hồi đương có bệnh dịch tả hoành hành, giữ dội... Mẹ mắc bệnh, rồi lang đuổi, con giai, cả Sư phải thuê xe cho mẹ về nơi chôn rau cắt rốn ; đường xe cách làng 2km đường đất, gồ gề, phải để mẹ ngồi tựa gốc cây . . . Đến tối, đưa cháu về mang thùng cái lớn ra, đặt mẹ vào, rồi con giai và cháu khiêng về... cô gái « Mán » quý hóa cấp thưng lập cấp chạy theo....

Các làng đều cấm không cho người mắc bệnh vào làng. Mẹ con mẹ Cọp về đến đầu làng, phải dấu thùng khiêng, mẹ cố gượng đi, vào nhà đưa cháu họ góa chồng, nói dối là đi làm về, vào ngủ nhờ. Nhà này cũng nghèo, trông tuột, nhưng mẹ nằm chiếc trống che. Nhưng đêm ấy cứ thấy mẹ đi « ngoài » mãi, rồi hàng sớm biết, bắt nhà kia đuổi mẹ đi — họ sợ truyền nhiễm — mẹ nhất định không đi.... Thật gần chết, cũng « đánh lừa » được chỗ nằm. Mẹ phải tả nặng lắm, mùi tanh hôi rất khó chịu, mẹ kiệt sức, mệt lả, nằm lịm trên trống. Sớm bắt đuổi, họ đe dọa nhà kia... Vừa sợ, vừa giận, nhà ấy phải cho mẹ chiếc trống rồi khênh ra đường. Người ta không cho dề bên nhà, họ đuổi, hết ngõ này đến ngõ kia, người ta ghé tòm xua đuổi, riết móc...., cả làng chả ai va mẹ, lúc khỏe người ta còn ghét khò ghét sờ, nữa lại có bệnh dịch tả ghé gồm trong mình. Mẹ nằm trợ vệ đường, sau có người thương tình cho chiếc chiếu dầy nằm thật sượng ó ւế .

Quá tham không sợ đạo trời,

Lạc lừa, bốn lần của đời, còn chăng.

Cái xác thối tha ghê tởm của mẹ phơi bên đường nửa ngày, làm kinh mắt mọi người, họ phi nhổ, cho là đáng kiếp...., rồi cả Sừ — may nhờ vài người cho tre, dạ — làm chiếc lều ở bãi hoang, đầu làng, khiêng mẹ ra... đàn ruồi, nhặng lũng ống theo sau như chấy riều kẻ ác..., Mẹ nằm lịm trong lều, song bụng mẹ vẫn tỉnh, vẫn đòi ăn, đòi uống, hình như ác nghiệp bắt mẹ phải tỉnh, phải sống để chiếc thảo ó ւế kia phải chịu hình phạt trần si trước khi xuống ngục Diêm-la ..

Có gái « mán » ngồi cạnh nhe hàm răng nham nhở như hời trời: cái thảm-hình của mẹ có thể này đã sừng với quăng đời ác nghiệt chưa »

Rồi đến chiều, người ta ngó vào, đã thấy mẹ nằm ngay đờ tự bao giờ; Mẹ chết, để lại cái thây ma

rùng rợn với thứ bệnh linh hồn : cặp mắt đờ còn có mở như tiếc cảnh trần, miệng há hốc nhe bộ răng ghê tởm.

Ruồi, nhặng vẫn lộng ong, chiêu hồn kẻ ác.

Bầu trời lạnh lẽo, vầng trăng luói liềm ủ giọt sau đám mây mờ nhạt, người trong làng sùm sít đứng trong công làng ngó xem người ký nhà thương khám sắc nọ Cọp. Người ta lột quần áo mụ ra, lật sấp, lật ngửa chiếc thây ma khô dát..... Khám xong, bọn tuần phu mang chiếc săng — một người lương-thiện trong làng đã mua cho mà bỏ xác mụ vào, đem chôn.... Nhưng khi đem chiếc săng ra đến huyệt thì trời mưa to, trăng lặn, tối đen như mực, đèn lửa tắt hết bọn tuần phu ụt cả bỏ chạy về làng, mặc săng mụ lẩn lóc giữa đồng hiu quạnh, còn trùng kêu inh ỏi như tuyên án kẻ tham..

Trời u, đất ám : Ac nghiệp lời cuốn linh-hồn mụ Cọp

Mụ sống đã bị trăm luân khổ sở, chết còn phải ngã ngoài vệ đường làm ghê tởm mọi người — cho hổ lúc buồn người, lừa lọc — mà chết rồi, hình như nghiệp ác đã đầy, lưới trời lồng lộng, sai xác tử đại ở uế còn bị giải đầu nơi đồng không, quăng văng.

Sáng mai ra, đã thấy cô gái « Mán » — từ nay không người nương tựa, mắt kẻ mặc quần, bất lương ngồi tí tí khóc mẹ bên chiếc săng lấm láp, lự bao giờ...Người ta khiêng săng xuống huyệt, vùi lấp, rắc vôi bột trắng xóa...Giữa ruộng lúa xanh...Giữa ruộng lúa xanh hiện chiếc mồ lạnh lẽo...Rồi từ đấy cả Sứ lòng hồng phiếu đạt, cô gái « Mán », — cái hồn máu của vợ chồng lão Cọp rơi lại trên đời — lang thang số kiếp, sản định : giữ nghề cũ, nghề ăn xin. Cô ngồi, nhe răng cười với trời xanh.

Trời kia nào có riêng ai

Ac nhân khổ quả lại ai vun trồng

VÂN-SON — Hưng-yên

Ông Nguyễn trọng-Thuật tịch rồi !

Cái ngày mười chín tháng giêng năm Mậu-thìn là một ngày kỷ niệm đau đớn của toàn-thể hội viên hội Phật giáo Bắc kỳ, nhất là đồng nhân trong tòa báo Đức-tuệ chúng tôi. Ngày ấy là ngày ông Đôn-nam-Tử Nguyễn-trọng-Thuật đã từ bỏ giáo hữu trong hội từ bỏ bạn đồng nghiệp chúng tôi mà đi về với Phật tổ vậy.

Ông Thuật một vị hội viên sáng lập trong hội Phật-giáo Bắc-kỳ, một viên biên tập rút có giá trị của báo Đức-tuệ. Ai đã từng được nghe ông thuyết pháp ở chùa Quán-sứ ở giảng đàn các chi giảng các nơi và đã từng đọc những bài khảo cứu, những bài nghị luận, những bài dịch thuật về giáo lý đạo Phật trong báo « Đức-tuệ » thì tất cũng đều phải công nhận và thán phục ông là một tín-đồ nhà Phật rất thâm thúy học Phật lại có nhiệt thành sốt sắng chấn hưng Phật-giáo nước nhà. Vốn ông là một tay nho học rất uyên-bác. Từ lúc quởn tiểu thuyết « Quả đũa đỏ » của ông ra đời được hội đồng diêm duyệt hội « Khai trí » liệt vào giải nhất, văn danh ông đã lừng lẫy khắp ba kỳ. Ông lại có biên tập báo « Nam-phong » mấy năm-trong tập « Nam phong » người ta cũng được thấy của ông nhiều thiên kiệt tác. Nhưng ông chẳng những giỏi nho học mà lại còn là một nhà tinh Phật học lắm nữa. Trong chỗ bâng bối vẫn suy ông là học Nho Phật kiêm thông. Khi phát khởi ra hội Phật-giáo Bắc kỳ, ông là người tinh Phật học lại sâu hoài-bảo tấm lòng chấn hưng Phật-giáo từ lâu, liền cùng với các nhà trí-thức, các đấng sĩ-phu ra công tổ chức cao hội được thành lập và ngày một bành trướng to dần mãi ra. Cái mục đích của hội Phật-giáo Bắc-kỳ là cốt lo chấn hưng Phật-giáo trong nước mình đương gặp cái thời kỳ Phật pháp suy đồi, thế đạo nhân tâm đương không có nơi nào tin ngưỡng qui y đến nỗi đảo điên nghiêng lệch hết. Việc chấn hưng thứ nhất là việc tuyên dương Phật pháp cho người trong nước đều hiểu thấu đạo Phật cho rõ ràng, tu hành đạo Phật cho chân chính để mong có ngày văn hồi

thế đạo nhân tâm, Vì thế mà sau khi hội thành lập liền phải có báo « Đuốc-Tuệ » ấn hành. Sự biên tập tờ báo này, ông chính lại là một tay trọng yếu. Kề hội viên hội Phật-giáo Bắc-kỳ có hàng vạn con người thật, nhưng có được một người như ông vừa là người sáng lập hội, vừa là người trị-sự hội, vừa là hội-viên ban giảng diễn của hội, vừa là biên-tập báo của hội, một mình tận-tụy với hội bấy nhiêu việc mà thủy chung không hề chể biếng, không hề chán nản, không hề có chút gì làm cầu thả hư-nguy, thật khó thay là khó thay !

Toàn thể hội viên trong hội đương trông cậy vào ông gánh vác cho bao nhiêu công việc càng ngày càng thành tựu, càng khoáng-trương, ông cũng rất dũng-mãnh tinh tiến, tự nhiệm làm việc Phật không quản sức quản công. Thường ông nói chuyện với bằng bối rằng : ít năm nữa con cái ông khôn lớn, gia-lộ sạch rồi thì ông quyết xuất gia, hiến thân làm tăng, trụ trì hẳn một nơi am tự để diu dắt các bạn nhà nho đều cùng đầu thân tăng-giới cho có chỗ thi-triển cái chí-nghiệp giác-thế giác-nhân, cái kiên-lâm nghị-lực ông về sự hành đạo đến thế chứ chưa phải nói những công việc ông tận-tụy với hội bấy giờ mà ông lấy làm đủ dẫu.

Ái nhè nhiễm bệnh có hai ngày mà thoát trần ngay một phút, về phần ông như vậy thật là siêu thoát sung sướng vô cùng. Song, về phần hội Phật-giáo Bắc-hỷ và đồng nhân báo « Đuốc-Tuệ » chúng tôi thành-linh mà bị đầu cướp mất một cánh tay phải, đáng thương tiếc là nhường nào ! Và ông là người thâm Phật lý : theo lý thuyết của Phật thì sự sống của người ta không phải chỉ có một kiếp hiện-tại mà thôi ; mỗi một kiếp sinh ta là một buổi học ở trường ; buổi này học được ít chữ, buổi khác lại học thêm được ít chữ nữa cho đến có ngày học giỏi thi đỗ mới xong ; sự sống của người ta cũng vậy, kiếp này tu được một ít, kiếp sau lại tu

thêm được một ít nữa cho đến viên-thành chính quả mới là cứu cánh hoàn toàn. Đối với một người tu theo Phật pháp thì trong mỗi kiếp càng sống lâu thêm được chừng nào càng có được nhiều thì giờ hành-thiện tu phúc để tăng tiến phúc tuệ của mình chừng nấy, chết sớm cũng vẫn là thiệt về đường tu đạo cho mình, Lại theo chí nguyện của Phật thì dù mình đã tới bậc cứu cánh hoàn toàn rồi đi nữa, mà đến nhất thiết chúng sinh còn chưa thành Phật cả, mình cũng thế chưa thành Phật, còn hiện thân vào đủ cả các giới để cứu độ cho chúng sinh cũng được thành Phật như mình. Chắc liếc sáng ông ở bên thế-giới khác kia cũng còn ngậm ngùi tiếc cái kiếp này chưa làm được mười phần thỏa mãn vậy.

Nhưng than ôi ! Dù anh em giáo-hữu, anh em đồng nghiệp với ông thương tiếc ông mấy đi nữa, dù ông nhắm mắt chừa cam lòng đi nữa thì cũng chẳng làm sao được với cái định-nghiệp từ trước đã tạo ra. Cái định nghiệp của ông kiếp này là thế. Chúng tôi chào cái định nghiệp kiếp sau của ông do cái thiện-nhân ông đã vun đắp kiếp này mà thành quả sẽ được viên mãn lương hảo hơn kiếp này nhiều. Và chúng tôi xin đồng thanh phát nguyện trước Phật-dài, mong có hàng ngàn hàng vạn người như ông nổi gót ông mà làm trọn cái công cuộc chấn hưng Phật-giáo ở nước nhà thì hằng-hà sa-số vô lượng vô biên lợi lạc đó.

Có câu liên phúng ông sau này :

Độ mình rồi độ người, làm nhà ngôn-luận, làm nhà trước thuật làm thấy đồ dạy học, làm cư-sĩ tụng kinh, tỉnh thế nghìn tay dong đuốc tuệ

Duyệt tướng không duyệt tính, còn hang Kính-chủ, còn núi Côn-sơn, còn hội quán Hà thành, còn giảng đàn Nam - sách, hiện thân muôn đóa mọc tòa sen.

Đ. T.

BÀI ĐIỀU TỪ ĐỌC THAY MẶT

HỘI PHẬT-GIÁO BẮC-KỲ

kính viếng ông Nguyễn trọng-Thuật

Ông vốn là một tay cự-phách, trong phái học cũ, lại sở trường về quốc văn. Cách đây hơn 20 năm, về cuốn truyện « Quả dưa đỏ » là một tác-phẩm của ông đã chiếm giải quán-quân trong một cuộc thi văn chương mà tôi có cái hân-hạnh được biết ông là lần đầu. Từ đấy ông được cử làm hội-viên ban Văn-học chúng tôi; có nhiều dịp tôi được lui tới và hàn luận cùng ông. Tôi thấy ông là người học có căn-đề, lại có nhiều tính nết hay; thuần-cần và rất khảng khái, nhẫn nại mà rất cần-mẫn, giả-phỏng ông được gặp thời, thì ngàn ấy đức-linh, chắc đã giúp đỡ được bao nhiêu công to việc lớn ở trên đời. Nhưng tôi nhận thấy rằng những sự cùng-thông đặc-tánh, ông đều cho là thân-ngoại-vật, mà nhất là lúc nào ông cũng có một tín-lực rất thẳng thắn và mạnh mẽ hơn người, tin là tin ở sự tự-cường tự-tiến của nhân-loại, tin ở lẽ chí-công vô tư của tạc-hóa; về cái tín-lực ấy, ông tự dựng nên một nền lý-tưởng. Ông từng đem diễn-giải ra nhiều tác-phẩm, mà thứ nhất là trong cuốn Quả dưa đỏ, ông đã giảng đi giảng lại nhiều lần, lại cũng vì cái lý tưởng ấy mà về đường tu thân dưỡng tính, ông đã có công tu-trì rất vững, lại có cách thực-tiến rất hay; lúc sinh thời, tôi thường gọi ông là: « Phật tử ở trong Khổng-môn », đến bây giờ càng nghĩ càng đúng, những muốn nói mà nói không sao xiết vậy.

Cách đây sáu bảy năm, hội Phật-giáo Bắc-kỳ dựng-lên, ông là một thân hội-viên sáng-lập rất sốt sắng, ông đem hết cả bốn đức tính kể trên là thuần-cần khảng-khái nhẫn-nại, cần-mẫn, để giúp đỡ công việc của hội, nào khảo cứu, nào diễn-giảng, nào tuyên truyền, nào hiến-tập,

quên cả ngày đêm, mưa nắng, cả đường xa dặm thẳng, phạm gặp được thời-cơ nào có thể giúp ích cho Phật-giáo, ông không quản ngại điều gì, và không dùng dăng bao giờ. Có lẽ tự bao nhiêu kiếp ở trong đời quá-khứ, ông đã có một đại-nhân-duyên với cửa Tam-bảo, cho nên ông xuống đời để gánh vác một phần to trong công việc chấn-hưng Phật-giáo ở nước nhà như ngày nay — Hội Phật-giáo từ lúc có ông, cần ở bây giờ, và cần ở mãi mãi về sau này; nay ông đã từ đã chúng tôi, đi về một thế giới khác, há không phải là một sự thiệt rất lớn của hội Phật-giáo hay sao!

Hã hay rằng thế gian là cõi vô thường, đạo Phật đối với cuộc sinh tử, nguyên có một lý giải rất cao, nếu ai nhận rõ lý ấy, đã biết sự sống không phải hẳn là đáng vui, thì tất cho sự thác không phải hẳn là đáng buồn, và lại nhân duyên có khi duyệt tận, công quả có lúc viên-thành, biết đâu cuộc vĩnh-quyết này lại không phải là một sự giải thoát của một tín-đồ đã có các-khi, lại có cả tín, giải, hành, chứng, như ông, song hội Phật-giáo đối với ông có một nỗi mến tiếc vô cùng: Hội đang xây đắp nền tảng, ông chưa nên nhập tịch với hội đang tiến hành công việc, ông chưa nên nhập tịch với hội đang chấn hưng mặt pháp, ông chưa nên nhập tịch với!

Ông chỉ là một kẻ thư-sinh mặc áo vải, no ấm ở trong làng đạo đức, thức ngủ ở trong nhà tình ái, thế mà lúc sinh thời, ông đã giúp được bao nhiêu công cuộc từ-bi bác-ái cho hội Phật-giáo, đến lúc thừa hóa còn để lại bao nhiêu nỗi cảm-tích của cả hội về sau này. Váy thì hai chữ tử sinh đối với ông, có một ý nghĩa rất cao quý, một giá trị rất đích đáng, có thể làm cho chúng ta hưng khởi và phấn khích bội phần.

B. K

Tường thuật đàn giới
truyền - thụ y-bát cho các học-sinh
Tăng tại chùa Quán-sứ

(tiếp theo)

Sáng ngày 2 tháng chạp Ta rút ki thứ ba, trong bao nhiêu cái tâm hồi hộp mong xem kết quả, đến lúc sừng dạn. thì chúng hầu hết, chỉ có một chú mới đầu thuyền, công tri-niệm ít, công phụng-sự kém là bị bắt hứa thôi, thực là đức Phật cao xâu, không thể nghĩ nghi được mà câu tục ngữ nói « linh tại ngã bất linh tại ngã » đến đây mới lại càng thấy có ý nghĩa chân thực lắm vậy.

III. Ban tứ y bát

Ngày mồng ba tan đàn sám, ngày mồng bốn bao sai Tượng-pháp trên điện và chang-hoàng lễ-đường để ban tứ y-bát, các giới-tử chúng-tuyên cả rồi, tinh thần càng hoạt bát, làm việc càng nhẹ nhàng, trải qua 21 ngày cấm-giới tinh-tu, u học nhận như thể mà nhờ Phật gia bị, vẫn thấy tinh tiến hơn lên, không ai tỏ sắc bi-quyên cả. Tiền-hiền nói: « Tinh thần càng dùng càng mạnh lên » được chiêm ngưỡng đàn sám lại càng thêm tin lắm. Sáng ngày mồng năm, các vị giới-sư tề tập ở lễ-đường thấy có:

Hòa-thượng: Tồ Chung-hậu, Trưởng ban sáng lập tràng Thuyền-học, Yết-ma: Tồ Bằng-sở, Chánh-đốc giáo Giáo-thụ: Tồ Tể-cát, Phó đốc giáo, Tôn-chứng: Hòa-thượng Phúc-chỉnh, Tồ Hương-tích, thủ quỹ tràng Thuyền-học, Tồ Phù-lãng, Tồ Chừag-mại, Hòa-thượng Quế-phương, Cụ Cao-đa, cụ Bát-mẫu, cụ Quốc-sư, Hòa-thượng Đào-viên Thanh-hóa, cụ Chử-khê, cụ Hào-sá. (do nhiều đàn nên có nhiều vị tôn chứng) Các vị Chứng minh đạo sư: Cụ tồ Liên-phái, Tồ Thiên-phúc, Tồ Bạch-xá, Cụ Ngũ-xã. Đến giờ lễ có Cụ Lớn Võ-hiền Hoàng tướng công: các quan trong ban Trì-sự, các hội-viên bảo-trợ

Tràng Tăng-học, đóng gần kín cả giảng-đường. Trông về phía đầu lễ-đường, có một hương-án, trên có tượng đức Bản-sur, hương-hoa ngào ngạt, đèn nền sáng chung kể đến hai cái án, trên bày đồ Thất-sự, dưới lò chằm nghi ngút, bày các áo ca-sa và bát-pháp. Áo may toàn vải nhuộm nâu, theo đúng như trong luật mỗi tấm đều giải rộng gấp rưỡi thứ vẫn thường dùng. Vì trong luật Phật đã dạy rõ có theo đúng kích-thước như thế thì mặc mới chang-nghiêm kín đáo, rồi đây chúng tôi sẽ đăng ảnh thứ áo ca-sa may đúng kích thước ấy lên để các độc-giả coi sẽ biết rõ chỗ đúng chỗ sai ngay. Bát-pháp thì dùng thứ liễn phù-lãng, nung bằng sành, sơn màu nhò nhò, tùy lượng ăn nhiều ăn ít mà định. Phật chế ra bát pháp để khi đi khất-thực thì đem đi, nay ở xã hội ta không quen khất thực, dùng bát-pháp này để ăn riêng, vừa có chừng mực, vừa hợp phép vệ-sinh, tránh được các bệnh truyền-nhiễm do nước rôi rây ra. khi Phật chế cho mỗi người một bát, chắc cũng đã xét đến chỗ đó rồi vậy. Thứ đến bàn các giới sư, đều mặc pháp phục nghiêm trang, thứ đến ban Cụ Lớn Võ-hiền và các quan các hội-viên ngồi xuất mẩy chục bàn. Bát đầu Cụ Tổ Chung-hậu đứng lên cảm ơn cụ Lớn Võ-Hiền đã không quản thì giờ quý báu đến thị lễ cho lễ ban-từ y bát được long trọng như thế này, rồi tuyên bố cử hành đại lễ. Ba tiếng kiêng nổi hiệu, trong các giới-tử cử Sư ông Thanh-Diễm ra đọc chúc từ tạ ơn các Giới-sư và các quan, chúc từ như sau này : (kỳ sau sẽ đăng)

VI — Không cấu kỉnh

Phật dạy : Người ác nghe người làm thiện, cho nên mới lại quây nhiễu, người nên tự răn cấm người, không nên cấu gắt họ. Họ đem lòng ác họ tới nhiều mình, tức là họ tự ác với họ.

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Lễ phong tước An-phước nam cho cụ Thiều Vi-văn-Định : Cụ lớn Thiều-bảo hiệp tá đại học sĩ Vi-văn-Định, Tổng đốc Hà đông, vừa được phong tước An-phước-nam. Có quan Khâm mạng từ Kinh mang sắc-mạng ra. Bốn giờ chiều 17-3-40 đã cử hành đại-lễ tại dinh Tổng-dốc. Có rất đông các quan chức thân-báo Tây, Nam về dự lễ. Lễ này cử hành một cách rất long trọng Từ hôm quan Khâm-mạng ra xuất giọng đường từ địa hạt Hà đông đều có cấm cờ và Hương-án bãi vọng Bản báo xin có lời kính mừng cụ Thiều Vi-văn-Định.

Sụt đất : Tại làng Văn-văn phủ Thọ-xuân tỉnh Thanh hóa tự nhiên có một thửa ruộng của Hương-mục-lại sụt xuống sâu tới 15 thước, rộng 30 thước. nhiều người biết tin kéo đến xem đông như xem hội.

TIN THẾ GIỚI

Mặt trận Anh, Pháp, Đức : Trong hai tuần lễ này không có sự gì quan trọng cả. Tàu bay cũng ít hoạt động. Tinh thần hiệp tác của hai nước Anh, Pháp càng ngày càng cố kết. Toàn thể nước Pháp đều tin nhiệm nội các Daladier. Hôm 15-3-40 có tin đồn rằng Đức đang vận động cùng Ý và Nga cả ba kết thân với nhau để phân chia cả khu Đông-âu. Theo như tin ấy thì Đức sẽ nhận phần đất Lỗ Ý nhận phần Nam-tur lap-phi, Nga nhận các nước miền Baltique Thủ tướng Ý đã đột nhiên từ La-mã sang cương giới đức để hội kiến với Hitler.

Tin Nga Phần : Phần đã phải ký hòa ước với Nga và nhường nhiều chỗ quan yếu cho Nga rồi, hiện hai bên đã đình chiến

Tin Trung Nhật : Nhật vẫn t ến hành việc giúp Ưông tinh Vệ tổ chức chính-phủ Trung-ương mới, các mặt trận vẫn xung đột luôn luôn.

HỘP THƠ

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng Mandat)

M. M. Nguyễn-mạnh-Tiêm, Bắc ninh	1\$50
Châu-văn-Bích Long xuyên	1.30
Bùi-quang Đạo, Ô-môn	1.50
Lý-hữu-Dur, phuompenh	4.30
Trần-văn-Hữu, Lapvo	1.50
Nguyễn-văn Ty, Haiduong	4.50
Trần ngọc-Thạch, Ô-môn	5 00
Cao-văn-Sấm, Long xuyên	1.50
Dương-tấn-Phát, Long xuyên	4.50
Phạm-văn-Nguy, Gia định	1.50
Bùi ngọc-Hoàn, Phú thọ	3.00
Phạm-ngọc-Bông, Thái bình	2.00
Sinh-Tài, Việtnamne	1.50
Trần-văn-Điều, Haiduong	1 50
Dương-daub-Quang, Bắc-ninh	1.50
Nguyễn-đức-Túy, Hai-phong	2.00
Phan-bá-Thiền, Phan thiết	5.00
Nguyễn-duy-Thu, Phạm-quang-Thiện, và Lê-văn-Lộc, Huế	9.00
Ngô hữu-Liêm Bắc-giang	1.50
Lê-tấn-Sử, Mỹ-thọ	3.00
Ưng-ninh-Vãng, Nguyễn-long-Thạnh, và Nguyễn-lập-Kỷ, Soctrang	6.00
Đoàn-văn-Chiêu, Chợ lạch	4.50
Trần-văn-Tuy, Saigon central	1.50
Lê-văn-Fiêng, Vũng liêm	4.50
Hồ hữu-Thời, Badon	1.00
Phạm-trung-Tinh, Mỹ-thọ	4.30
Trần-quang-Minh, Cai-lậy	0.50
Lê-dăng-Lại, Hưng-hóa	1.50

M. Nguyễn-minh Lý Kratié ngài mua Đ. T. từ đầu mà mới giá hai lần 2.00 thế là còn thiếu 3 00.

Xin trân trọng cảm ơn các vị đã giả tiền — Còn ngài nào thiếu xin kíp gửi ngay về cho.

(tiếp trang bla 4)

M. Lê Văn-Danh Saigon, mua từ số 13 đến nay, giá tiền là 4.76, đã trả 2.00 còn nợ 2.76

Còn hai ngài Thành và Phần Saigon, thì ngài nào cũng như M. Danh trên, Xin ba ngài gửi mandat về ngay cho.

Cũng ông Phan-bá-Thiện, ở Phan-thiết đã nhận được mandat số 178 5.00 của ngài Tỉnh số tiền báo Ngài đã trả sang năm 1941 nữa.

Cũng ông Ung-minh-Vàng ở Nhơn-mỹ đã nhận được mandat số 009, 6 00 của Ngài để trả tiền báo cho 3 vị độc giả: Nguyễn-long-Thạnh, Nguyễn-lập-Kỷ, và Ung-minh-Vàng.

Cũng ông Huệ-chí Mỏ cày, số báo 121 chúng tôi đòi đòi tiền các vị chưa trả, như ngài đã trả đủ năm 1939 rồi.

Cũng ông Trần-văn-Tuy, 108 Rue Catinat Saigon. Đã tiếp được thơ cùng mandat số 020 tiền 1.59 của ngài trả tiền báo về năm 1939, xem số về năm 1938 ngài còn thiếu 1.00 và năm 1940 nay 1.50 cộng là 2.50.

Cũng ông Trần-quang-Minh Cai lầy Đã nhận được mandat 0.50 của ngài gửi trả tiền báo rồi, Ngài từ năm 1938 đến năm 1940 tức là 3 năm 4 50 ngài được ba lần là 3.55 vậy ngài còn thiếu là 0

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUA CỔ

M. Bùi-ngọc-Giáp, ở 53 ngõ Phất-Lộc Hanoi, viên tịch ngày 28 Décembre 1939:

Mme Nguyễn thị-Tĩnh, hội viên chi hội Bảo lộc (Sơn tây) viên tịch ngày 23 tháng 11, năm Kỷ-mão 1939.

Cụ Đỗ-thị-Tấn, ở số 104, phố Hàng bông thợ ruộm Hanoi, viên tịch ngày 22 Janvier 1940.

M. Trần-trọng-Quang, hội-viên chi hội Phật-giáo Cđ-am (Hàiduong) viên tịch ngày 19-2-40.

Mme Vũ-thị-Quy. ở làng Hoàng-mai, huyện Hoàn-long Hadong, viên tịch ngày 26 Février 1940.

Mme Bùi-thị-Đĩnh, 18 Rue Goussard Hanoi. viên tịch ngày 29 Fivrier 1940,

Mme Lý-thị-Lương, ở 103 phố Hàng Đầy Hanoi, viên tịch ngày 9 Mars 1940.